

Số: 56/GPMT-UBND

Sóc Trăng, ngày 24 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 12/NBST ngày 06/10/2023 của Công ty Cổ phần May Nhà Bè Sóc Trăng về việc đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy may Nhà Bè - Sóc Trăng (sau đây gọi là cơ sở) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3151/TTr-STNMT ngày 20/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần May Nhà Bè Sóc Trăng, địa chỉ Quốc lộ 60, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy may Nhà Bè - Sóc Trăng, tại Quốc lộ 60, Khóm 2, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy may Nhà Bè - Sóc Trăng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Quốc lộ 60, Khóm 2, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2200733135 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 10/5/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01/8/2022.

1.4. Mã số thuế: 2200733135.



1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: May gia công hàng may mặc xuất khẩu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Tổng diện tích của cơ sở: 61.200 m²; trong đó, diện tích của cơ sở giai đoạn 1 là 39.447,5 m².

- Công suất: 9.242.000 sản phẩm/năm; hiện cơ sở đang hoạt động giai đoạn 1 với công suất 4.626.000 sản phẩm/năm (bao gồm các sản phẩm: Áo blouse, áo thể thao và quần kaki).

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần May Nhà Bè Sóc Trăng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần May Nhà Bè Sóc Trăng có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các thiết bị xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các thiết bị xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 24 tháng 11 năm 2023 đến ngày 24 tháng 11 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Cty CP May Nhà Bè Sóc Trăng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND TP. Sóc Trăng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam





Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(*Kèm theo Giấy phép môi trường số 56/GPMT-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng*)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải của cơ sở

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ lò hơi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh 30/4, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nhà máy may Nhà Bè - Sóc Trăng tại Quốc lộ 60, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^o30', múi chiếu 6^o*):

+ Tọa độ hố ga 04-A4 phía trước cơ sở: X= 1065547; Y= 550011.

+ Tọa độ cửa xả thoát vào Kênh Thốt Nốt và thải vào Kênh 30/4: X= 1065650; Y= 550118.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 80 m³/ngày đêm (3,33 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định sẽ theo đường ống nhựa PVC D168 chảy vào hố ga 04-A4 (phía trước cơ sở), đầu nối vào hệ thống thoát nước chung trên Quốc lộ 60. Nước thải từ hố ga 04-A4 sẽ theo đường cống BTCT D800, dài 140 m thoát ra cửa xả ra kênh Thốt Nốt và thải vào nguồn tiếp nhận (Kênh 30/4) theo phương thức xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột A, hệ số K = 1, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ (theo đề xuất của chủ cơ sở)	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn của cơ sở (nguồn số 01) được đưa qua bể tách dầu mỡ (thể tích 5 m³); sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm của cơ sở bằng đường ống PVC DN115 để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh của cơ sở (nguồn số 02) được đưa qua các bể tự hoại để xử lý sơ bộ (02 bể tự hoại có tổng thể tích 167 m³); sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm của cơ sở bằng đường ống uPVC D220 để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ lò hơi (nguồn số 03) được đưa qua bể lắng tro (thể tích 15,6 m³); sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm của cơ sở bằng đường ống BTCT D168 để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh từ nguồn số 01 đã đưa qua bể tách dầu mỡ; nguồn số 02 đã đưa qua các bể tự hoại và nguồn số 03 đã đưa qua bể lắng tro → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí Anoxic → Bể



sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Bồn nhựa → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 80 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn vận hành, an toàn lao động cho cán bộ, nhân viên vận hành, trang bị các máy bơm dự phòng để đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Thực hiện các biện pháp điều tiết, sử dụng nước tiết kiệm để giảm thiểu nước thải phát sinh trong thời gian khắc phục sự cố; bố trí van, hệ thống hoàn lưu nước thải sau xử lý về bể điều hòa trong thời gian khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này: Nước thải được bơm trở lại bể thu gom, bể điều hòa, rà soát toàn bộ hệ thống xử lý nước thải, xác định nguyên nhân sự cố và khắc phục. Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: Cán bộ vận hành khẩn trương kiểm tra các thiết bị và bể xử lý nước thải để tìm nguyên nhân, tổ chức khắc phục sự cố; nước thải được bơm quay vòng về bể điều hòa để xử lý lại; trường hợp thời gian khắc phục kéo dài, nước thải được lưu giữ tại bể thu gom trước khi đưa vào các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở có công suất 80 m³/ngày đêm, tổng thể tích các bể xử lý của hệ thống xử lý là 151,45 m³; lưu lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở là 50 m³/ngày đêm. Khi xảy ra sự cố, nước thải được lưu chứa tại các bể xử lý, thời gian lưu chứa khoảng 48 giờ. Trường hợp chưa thể khắc phục sự cố trong khoảng thời gian này, cơ sở có trách nhiệm bố trí thiết bị, phương tiện để lưu chứa tạm thời lượng nước thải phát sinh hàng ngày, không để nước thải chưa qua xử lý xả ra môi trường và thông báo cho cơ quan chức năng để phối hợp xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm.

- Tại đầu vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Tại đầu ra bồn nhựa PVC 250 lít sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần May Nhà Bè Sóc Trăng phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc nước thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

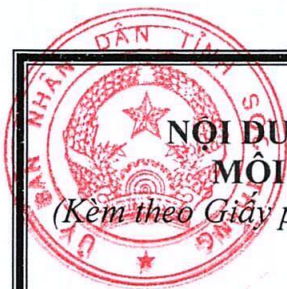
3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Công ty Cổ phần May Nhà Bè Sóc Trăng chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả nước thải không đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định trước khi xả thải ra môi trường.





Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 56/GPMT-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 2.000 tấn/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Vị trí xả thải

- Trong khuôn viên của Nhà máy may Nhà Bè - Sóc Trăng tại Quốc lộ 60, Khóm 2, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 6°):

- Dòng khí thải: Tương ứng với ống khói của hệ thống xử lý khí thải, tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1065331; Y= 550104.

2.2. Lưu lượng xả bụi thải lớn nhất: 60.000 m³/ngày đêm (6.000 m³/giờ).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải dẫn vào ống khói cao hơn 15 m và khuếch tán khí thải ra môi trường xung quanh và chỉ xả khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B), cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Cacbon oxit	mg/Nm ³	1.000		
3	Lưu huỳnh dioxit	mg/Nm ³	500		
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom về hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclone khô lắng bụi → Bể đập bụi → Ống khói → Thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 6.000m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Bố trí cán bộ, nhân viên kỹ thuật để đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành của thiết bị.

- Khi xảy ra sự cố tại lò hơi hoặc hệ thống xử lý khí thải, dừng hoạt động thiết bị, tìm nguyên nhân, sửa chữa, khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải công suất 6.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ lò đốt chất thải rắn y tế.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần May Nhà Bè Sóc Trăng phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc khí thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp



ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.4. Công ty Cổ phần May Nhà Bè Sóc Trăng chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả bụi, khí thải không đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định trước khi xả thải ra môi trường.





Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 56/GPMT-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 6°):

- Nguồn số 01: X= 1065344; Y= 550084.
- Nguồn số 02: X= 1065448; Y= 549972.

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Stt	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí khu vực đặt máy phát điện xa khu vực làm việc, lắp đặt thiết bị giảm thanh cho máy phát điện, thực hiện che chắn xung quanh khu vực đặt máy phát điện như xây tường cách âm.



- Trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên cơ sở để tạo cảnh quan, giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

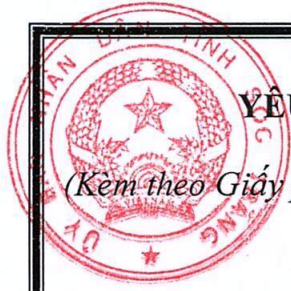
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng và các máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.





Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 56/GPMT-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh

Stt	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	20
2	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	10
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	20
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	50
5	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	3
Tổng khối lượng			103

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Vải vụn; nguyên liệu, sản phẩm hư hỏng	2.080
2	Thùng carton, bao bì đóng gói	100
3	Tro đáy lò hơi	9.000
4	Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	60
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	8,2
Tổng khối lượng		19.185

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	0,6

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: Có diện tích 4 m²; nền xi măng, vách, mái tole.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa:
 - + Kho nguyên, phụ liệu (vải vụn, nguyên liệu, sản phẩm hư hỏng, thùng carton, bao bì đóng gói): Diện tích 384 m²; kết cấu nhà thép, nền tráng xi măng, có mái che bằng tole.
 - + Tro đáy lò hơi: Được bố trí khu vực chứa cạnh nhà lò hơi với diện tích 40 m²; kết cấu nhà thép, nền tráng xi măng, có mái che bằng tole.
 - + Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Lưu chứa tại bể chứa bùn có thể tích 15,6 m³; kết cấu bê tông cốt thép.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: Diện tích 24 m²; nền tráng xi măng.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau



sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.





Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 56/GPMT-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các hạng mục công trình tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy may Nhà Bè - Sóc Trăng, cụ thể như sau:

- Xây dựng 01 xưởng sản xuất và văn phòng: Diện tích 9.050,94 m².
- Xây dựng 01 nhà kho (phụ liệu và thành phẩm): Diện tích 4.224 m².
- Xây dựng 01 nhà ăn: Diện tích 852,6 m².
- Xây dựng 01 nhà chuyên gia: Diện tích 280,72 m².
- Mở rộng nhà xe giai đoạn 2: Diện tích 2.196 m².

Sau khi hoàn thành các hạng mục nêu trên, trước khi đi vào vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng để được xem xét, cấp giấy phép môi trường theo quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.